

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SY
TỈNH QT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **258/2023 /HNGĐ-ST.**

Ngày 18/8/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SY, TỈNH QT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và ông Phạm Tiến Hào.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện SY, tỉnh QT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SY, tỉnh QT tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Trà My- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện SY, tỉnh QT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự ly hôn thụ lý số: 135/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 02/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **NTT** sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn LT, xã XV, huyện SY, tỉnh QT. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Anh **TVT**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn LT, xã XV, huyện SY, tỉnh QT. *Vắng mặt đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị NTT trình bày:

Chị và anh TVT qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã XV, huyện SY, tỉnh QT vào ngày 19/12/2014 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống ngay sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn cãi, chửi

nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị và anh Th đi làm ăn xa, mỗi người làm ăn một nơi nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không ai quan tâm đến ai. Năm 2020 chị làm công ty hai vợ chồng ít gặp nhau từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến đầu năm 2022 chị chuyển về nhà mẹ đẻ ở. Thực tế vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Th đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th theo quy định của pháp luật. |

Về con chung: Chị T xác định, chị và anh Th có 02 con chung là cháu TĐK, sinh ngày 03/02/2014 và cháu TTHV, sinh ngày 15/12/2016, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu TTHV, còn anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu TĐK, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị T xác định, chị và anh Th không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn anh TVT trình bày:

Anh và chị NTT qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã XV, huyện SY, tỉnh QT vào ngày 19/12/2014, sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống và làm ăn tại thôn LT, xã Xuân, huyện SY. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, đến năm 2020 anh phát hiện chị T có nhắn tin cho người đàn ông khác nên hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, chị T tự ý bỏ nhà đi từ đó đến nay không về nhà nữa. Thực tế vợ chồng anh đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, anh Th xác định giữa anh và chị T không còn tình nghĩa vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật,

Về con chung: Anh Th xác định, anh và chị T có 02 con chung là cháu TĐK, sinh ngày 03/02/2014 và cháu TTHV, sinh ngày 15/12/2016, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả 02 con chung là cháu TTHV và cháu TĐK; yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu TTHV là 1.500.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu Vân đủ 18 tuổi. Đối với cháu TĐK không đề nghị chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh Th xác định anh và chị T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SY phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS như: Không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NTT xử cho chị NTT được ly hôn với anh TVT.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu TTHV, sinh ngày 15/12/2016 chị NTT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao cháu TĐK, sinh ngày 03/02/2014 cho anh TVT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Th cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị NTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Căn cước công dân của đương sự (bản sao); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Xác nhận thông tin về cư trú (bản chính).

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh tại thôn LT, xác minh tại thôn Đèo Mừng, xã XV và Công an xã XV, huyện SY, tỉnh QT; xác minh với bà Lý Thị Loan là mẹ đẻ chị NTT.

Chị NTT có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án vì lý do anh Th nhiều lần không đến Tòa án giải quyết, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên Tòa án chỉ tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị NTT và anh TVT kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã XV, huyện SY, tỉnh QT là hôn nhân hợp pháp; chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và giao nuôi con chung nên xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; bị đơn anh TVT có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã XV, huyện SY, tỉnh QT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện SY, tỉnh QT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện SY đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh TVT vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa; chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện SY quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.*

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: chị NTT và anh TVT kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã XV, huyện SY, tỉnh QT là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th theo quy định của pháp luật, tại biên bản lấy lời khai anh Th cũng nhất trí ly hôn.

HĐXX xét thấy, việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Th là đúng thực tế, tuy lời khai không trùng khớp nhau về thời gian mâu thuẫn và sống ly thân nhưng cả hai đều xác định đã sống ly thân từ lâu, trong suốt quá trình sống ly thân hai vợ chồng không gặp nhau, không liên lạc với nhau và cũng không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, cả chị T và anh Th cùng xác định không còn tình nghĩa vợ chồng; cả hai bên không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt mà người nào chỉ biết bốn phận của người đó, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống, trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị NTT được ly hôn với anh TVT.

[2.2] *Về con chung*:

Quá trình chung sống, giữa chị T và anh Th có 02 con chung là cháu: TĐK, sinh ngày 03/02/2014 và cháu TTHV, sinh ngày 15/12/2016, anh Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi cháu TTHV là 1.500.000 đồng/tháng; chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu TTHV, còn

anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu TĐK hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Việc chị T và anh Th đề nghị được trực tiếp nuôi con là có căn cứ, việc giao nuôi con chung sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ và cha mẹ có quyền nghĩa vụ như nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn, nên cần được xem xét trên cơ sở căn cứ vào điều kiện thực tế của cha mẹ cũng như nguyện vọng của các con và ưu tiên bảo đảm lợi ích của các con.

Theo kết quả xác minh tại thôn LT và thôn Đèo Mũng, xã XV, huyện SY, thể hiện: Sau khi hai vợ chồng sống ly thân chị T chuyển về cư trú, sinh sống cùng bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn Thắng và bà Lý Thị Loan tại thôn Đèo Mũng, xã XV, gia đình ông Thắng bà Loan có nhà ở ổn định, ngoài diện tích đất ở còn có đất sản xuất nông nghiệp, trồng trọt, kinh tế gia đình ổn định; chị T có tham gia sản xuất nông nghiệp cùng bố mẹ ngoài ra còn đi làm công nhân, công việc ổn định, mức thu nhập bình quân khoảng 7.000.000 đồng – 8.000.000 đồng/tháng. Đối với anh Th hiện nay ở cùng mẹ đẻ tại thôn LT, xã XV, chưa có nhà riêng; anh Th hiện nay làm nghề lao động tự do (chuyên đi giao hàng và bốc hàng theo xe) tại tỉnh Vĩnh Phúc, thu nhập bình quân theo anh Th khai khoảng 8.000.000đồng/tháng; anh Th thường xuyên đi làm nên việc chăm sóc các con chủ yếu nhờ bố mẹ anh phụ giúp. Như vậy, xét về điều kiện chỗ ở, thu nhập thì cả chị T và anh Th đều có đầy đủ các điều kiện và khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên nếu giao cả 02 con chung cho một bên sẽ không đảm bảo các điều kiện về chăm sóc, nuôi dưỡng con; cháu TĐK hiện đang ở cùng anh Th và đang đi học, nguyện vọng của cháu cũng muốn được ở với anh Th nên giao cho anh Th nuôi dưỡng sẽ không gây xáo trộn về môi trường học tập, sinh hoạt của cháu; đối với cháu TTHV theo xác minh từ nhỏ chủ yếu ở với gia đình bố mẹ chị T mới chuyển về ở cùng anh Th từ đầu năm 2023 nên từ nhỏ cháu đã quen với môi trường sống của gia đình chị T và bố mẹ chị T, mặt khác cháu Thảo là con gái đang trong độ tuổi phát triển, ở với mẹ sẽ được tạo điều kiện phát triển thuận lợi hơn về tâm sinh lý nên giao cho chị T chăm sóc sẽ phù hợp hơn.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của các con và ưu tiên bảo đảm lợi ích của các con, cần giao cháu TĐK cho anh TVT trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu TTHV cho chị NTT trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong vụ án này, chị T và anh Th mỗi người nuôi 01 con chung, điều kiện hoàn cảnh và thu nhập giữa chị T và anh Th cũng tương đồng nhau, nên hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau là phù hợp. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Chị T và anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh Th đều xác định không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị NTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh TVT không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của chị NTT với anh TVT.

1. Về hôn nhân: Cho chị NTT được ly hôn với anh TVT. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Th chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu TTHV, sinh ngày 15/12/2016 cho chị NTT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao cháu TĐK, sinh ngày 03/02/2014 cho anh TVT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: chị NTT phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0006284, ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện SY, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh TVT không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QT;
- VKSND tỉnh QT;
- VKSND huyện SY;
- Chi cục THADS huyện SY;
- UBND xã XV (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Vinh – Lộc Thị Kim Thơm

Vũ Mạnh Hồng

